

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2018/HS-ST
Ngày: 09/02/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thập;
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc- tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc- tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 29/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 30/01/2018 đối với các bị cáo:

1. PHẠM HỮU T1, sinh năm 1994, Nơi ĐKKHKT và trú tại: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T và bà Bùi Thị M; vợ con chưa có; tiền án: không; tiền sự: Ngày 28/9/2016, Công an huyện Gia Lộc ra QĐ xử phạt vi phạm hành chính số 124 xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Tại bản án HSST số 121 ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt T1 14 tháng tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma T1y, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08/9/2017.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam KC- Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

2. ĐẶNG THANH T2, sinh năm 1991, Nơi ĐKKHKT và trú tại: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa:

9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc Q và bà Nguyễn Thị L; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2017 đến nay tại Trại tạm giam KC-Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại:

Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1997. Trú tại: thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Tăng Văn H, sinh năm 1987. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Cả hai đều trú tại: thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 02/8/2017, anh Nguyễn Văn Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 34B3- 114.70 (xe mượn của bố để là ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1961) đến nhà của Phạm Hữu T1 để rủ đi chơi. Sau đó, anh Ch điều khiển xe mô tô chở T1 đi đến quán Internet CP ở số nhà 27 đường Nguyễn Văn Tr, thị trấn G, huyện G ngồi chơi điện tử. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, anh Ch bị một số đối tượng vào trong quán kéo ra ngoài để tiền. Khoảng 07 giờ cùng ngày, T1 quan sát thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34B3- 114.70 của anh Ch đang dựng ở trước cửa quán bị hỏng khóa điện, không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T1 ngồi lên xe mô tô biển kiểm soát 34B3- 114.70 điều khiển xe đi tìm Đặng Thanh T2 để nhờ cầm cố hộ xe. Khi gặp, T2 có hỏi T1 về nguồn gốc chiếc xe thì T1 kể với T2 về việc lợi dụng xe mô tô của anh Ch bị hỏng khóa điện, không có người trông coi nên đã chiếm đoạt mang đi. Thấy vậy, T2 rủ T1 mang xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài chung, T1 đồng ý. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34B3- 114.70 chở T1 đi đến khu vực ngã tư chợ C, thị trấn G, huyện G để cho T1 xuống xe, còn T2 điều khiển xe mô tô đi đến quán trò chơi ở khu 5, thị trấn G, huyện G của anh Tăng Văn H- sinh năm 1987 ở thôn Ph, xã G, huyện G. T2 nói với anh H là xe của mình mới mua, giấy tờ xe để ở nhà và muốn để xe mô tô lại chỗ anh H làm tin, mượn của anh H 3.000.000 đồng. Anh H nghĩ T2 nói thật nên đồng ý rồi đưa cho T2 3.000.000 đồng. T2 cầm tiền rồi đi ra chỗ T1 đang đợi, kể cho T1 nghe về việc cầm cố xe

rồi cùng với T1 mang tiền đi tiêu xài hết cho mục đích cá nhân. Sau khi giải quyết xong việc cá nhân của mình, anh Ch quay lại quán để lấy xe thì không thấy xe mô tô và không liên lạc được với T1 nữa. Ngày 04/8/2017, anh Nguyễn Văn Ch có đơn trình báo gửi Công an huyện Gia Lộc về việc xe mô tô của anh bị T1 trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37 ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự-UBND huyện G, kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda wave đồ-đen, biển kiểm soát 34B3- 114.70, số khung 12149Y220598, số máy HC12E1421506, xe cũ đã qua sử dụng có giá là: 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T1, T2 không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 37 ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự-UBND huyện G và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSND-GL ngày 26/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc truy tố bị cáo Phạm Hữu T1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Đặng Thanh T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đặng Thanh T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 nay là khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điều 55, Điều 56 BLHS 2015 đối với bị cáo T1; Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 14 tháng tù của bản án số 121/2017/HS-ST ngày 15-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-9-2017. Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015 đối với bị cáo T2. Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T2 từ 06 tháng đến 9 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, tính tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 02/8/2017, tại quán Internet CP số 27 đường Nguyễn Văn Tr, thị trấn G, huyện G, lợi dụng lúc không có người trông coi, quản lý tài sản, Phạm Hữu T1 đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34B3- 114.70 trị giá 7.000.000đồng của anh Nguyễn Văn Ch. Sau đó, Đặng Thanh T2 biết rõ đây là xe mô tô do T1 trộm cắp nhưng vẫn mang đi cầm cố cho anh Tăng Văn H để lấy 3.000.000đồng tiêu xài cá nhân cùng T1.

Các bị cáo T1 và T2 là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp và Tiêu thụ tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, bị cáo T1 đã cố ý lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trị giá 7.000.000đ của anh Nguyễn Văn Ch nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo T2 mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô BKS: 34B3-114.70 là tài sản do T1 trộm cắp mà có nhưng vẫn đề xuất với T1 mang xe mô tô này đi cầm cố cho anh Tăng Văn H, nói dối là xe của mình để lấy số tiền 3.000.000đ tiêu xài cá nhân cùng T1 nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 BLHS. Do đó quyết định truy tố của VKSND huyện Gia Lộc là hoàn toàn đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an

Order Licensed Version to Remove Watermark

ninh tại địa phương và xã hội. Do vậy, việc xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết và phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Riêng bị cáo T1 có 01 tiền sự ngày 28-9-2016 về hành vi trộm cắp tài sản và sau khi phạm tội đã tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma T1y và đã bị xét xử 14 tháng tù theo bản án HSST số 121 ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nên cần xem xét đánh giá khi quyết định hình phạt. Vì bị cáo đang chấp hành bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần phải tổng hợp hình phạt theo Điều 55, 56 BLHS 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Văn Ch, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L không yêu cầu các bị cáo T1 và T2 phải bồi thường dân sự; anh Tăng Văn H tự nguyện cho bị cáo T2 số tiền 3.000.000đ mà anh đưa cho T2 để nhận cầm cố chiếc xe mô tô do T1 phạm tội mà có và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác do đó HĐXX không phải giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ-đen, biên kiểm soát 34B3- 114.70, số khung 12149Y220598, số máy HC12E1421506 cho ông Nguyễn Văn L- chủ sở hữu hợp pháp nên HĐXX không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Các bị cáo T1, T2 phạm tội nên phải chịu án phí hình sự theo Điều 136 BLTTHS 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hữu T1 phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Đặng Thanh T2 phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điều 55, Điều 56 BLHS 2015 đối với bị cáo T1;

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T1 10 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 14 tháng tù của bản án số 121/2017/HS-ST ngày 15-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-9-2017.

Order Licensed Version to Remove Watermark

Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; BLHS 2015 đối với bị cáo T2.

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T2 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-11-2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Hữu T1 và Đặng Thanh T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Cẩm Vân